

Bản án số: 243/2024/KDTM-ST

Ngày: 24-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Phi Yên
- Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2024 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 817/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V; Trụ sở chính: 89 L, quận Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh Đ và ông Bùi Tiến T; Cùng địa chỉ: Tầng A Tòa nhà A C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền số 7754/2024/UQ-PGD ngày 05/8/2024.

Bị đơn: Công ty TNHH Đ1; Trụ sở: 399/1 N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Đình T1; Địa chỉ: 7 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Đình T1; Địa chỉ: 7 T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bà Phan Thị P; Địa chỉ: C V, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do ông Nguyễn Thanh Đ đại diện trình bày: Ngày 24/10/2017, Công ty TNHH Đ1 (sau đây gọi là bị đơn) mở thẻ tín

dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (sau đây gọi là nguyên đơn) theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế Master card và Business C không có tài sản bảo đảm số SME có số hợp đồng 305-C-465420, tổng hạn mức: 140.000.000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng (ngày giải ngân: 26.10.2017, ngày đến hạn: 26.10.2022), lãi suất cho vay theo từng thời kỳ. Ngoài ra, theo yêu cầu của bị đơn, nguyên đơn đã cấp một thẻ phụ do bà Phan Thị P đứng tên. Theo thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn thì nguyên đơn thực hiện việc thanh toán đối với các nghĩa vụ phát sinh của thẻ phụ và khoản nợ này được ông Vũ Đình T1 bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân theo H ký đồng bảo lãnh số SME/HĐBL được ký cùng ngày.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 21/12/2022. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ làm việc yêu cầu bị đơn thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nhưng bị đơn đã cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay, nguyên đơn khởi kiện và có các yêu cầu sau:

- Buộc bị đơn phải trả ngay một lần cho nguyên đơn tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 05/9/2024 là:

Nợ gốc: 118.522.480 đồng

Nợ lãi: 96.584.569 đồng

Tổng cộng: 215.107.049 đồng

- Ngoài ra, kể từ ngày 06/9/2024, bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, ông Vũ Đình T1 có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn – Công ty TNHH Đ1: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vũ Đình T1 và bà Phan Thị P: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Do các đương sự không có mặt đầy đủ và nguyên đơn có yêu cầu không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên những lời trình bày tại tòa cũng như yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Vũ Đình T1 và bà Phan Thị P: Vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Phía nguyên đơn có mặt; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dù đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử và dành quyền kháng cáo cho những đương sự vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 05/9/2024 là 215.107.049 gồm: Nợ gốc là: 118.522.480 đồng; Nợ lãi là: 96.584.569 đồng, thấy:*

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho thấy đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình đối với các yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định:

Ngày 24/10/2017, nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh giao dịch hợp đồng vay tài sản dưới hình thức sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm. Đồng thời, nguyên đơn cũng cấp cho bị đơn thẻ phụ đứng tên Phan Thị P. Cùng ngày, đề đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bị đơn theo hợp đồng đã ký, nguyên đơn và ông Vũ Đình T1 ký hợp đồng bảo lãnh số SME/HĐBL. Vậy, việc ký hợp đồng vay, hợp đồng bảo lãnh giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Theo thỏa thuận tại khoản 10 Điều 1 của Điều kiện giao dịch chung về phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp vi mô “.....*chủ thẻ chính cam kết thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ phụ theo quy định tại Hợp Đồng*” nên nguyên đơn phải chịu nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền gốc còn thiếu kể các các khoản phát sinh từ thẻ phụ.

Theo bảng tổng hợp dư nợ, bảng kê tính lãi do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và còn nợ lại số tiền gốc 118.522.480 đồng và phải chịu lãi quá hạn từ ngày 21/12/2022 và chịu lãi như sau: Từ ngày 24/10/2017 là 28%/năm, từ ngày 25/5/2019 là 32%/năm, từ ngày 22/3/2023 là 34%/năm, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Đối chiếu với yêu cầu của nguyên đơn về mức lãi suất, thời gian tính lãi cũng như số tiền lãi phát sinh là đúng theo quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Từ phân tích trên, hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, bị đơn còn phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/9/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm mà hai bên đã ký.

[2.2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu người bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:*

Tại hợp đồng bảo lãnh số SME/HĐBL được lập ngày 24/10/2017, ông Vũ Đình T1 đã đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn thể hiện:

“Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ - được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt.....”. Như vậy, việc ông T1 ký kết hợp đồng bảo lãnh cá nhân nêu trên là tự nguyện, nội dung thư bảo lãnh phù hợp với Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, ông T1 có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền bị đơn còn thiếu cho nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với nguyên đơn.

[3] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh:* Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 335, Điều 336, Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Áp dụng Căn cứ Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

1.1. Buộc Công ty TNHH Đ1 thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền thuê còn nợ tính đến ngày 05/9/2024 là 215.107.049 đồng (Hai trăm mười lăm triệu một trăm lẻ bảy ngàn không trăm bốn mươi chín đồng), bao gồm: Nợ gốc là 118.522.480 đồng (Một trăm mười tám triệu năm trăm hai mươi hai ngàn bốn trăm tám mươi đồng); Nợ lãi là 96.584.569 đồng (Chín mươi sáu triệu năm trăm tám mươi

bốn ngàn năm trăm sáu mươi chín đồng).

1.2. Công ty TNHH Đ1 tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tiền lãi, phí phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 06/9/2024 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm số SME được hai bên ký ngày 24/10/2017 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH Đ1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền còn nợ nêu trên, buộc người bảo lãnh là ông Vũ Đình T1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo như hợp đồng bảo lãnh đã ký cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đ1 phải chịu án phí là 10.755.352 đồng (Mười triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm năm mươi hai đồng).

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần V được nhận lại số tiền 4.769.559 đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm năm mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001069 ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo

